TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Sơn.

2. Bà Nông Thị Ái Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lưu Trộng T(tên gọi khác Lưu Văn V), sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Pàn Pẻn, xã M, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T trước khi chung sống với nhau như vợ chồng có được tự do, tự nguyện, tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1999. Sau đó, hai vợ chồng sinh sống tại thôn Pàn Pẻn, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, diễn ra bình thường. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Lưu Trộng T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị Ma Thị T và anh em họ hàng bên nội, ngoại có khuyên bảo nhưng anh Lưu Trộng T không thay đổi. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay không còn tình cảm, chị Ma Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lưu Trộng T.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 03/3/1999 và Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 06/7/2011. Cháu Lưu Thị Thu H đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lưu Thị Hải Y, khi ly hôn chị Ma Thị T yêu cầu được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lưu Trộng Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lưu Trộng Tkhông đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn Pàn Pẻn, xã M, huyện Bình Gia và Công an xã M, huyện B đều khẳng định anh Lưu Trộng T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Pàn Pẻn, xã M, huyện Bình Gia; không làm thủ tục cắt tạm trú tạm vắng tại địa phương. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng và lập biên bản giao nhận với đại diện gia đình, cam kết sẽ thông báo cho anh Lưu Trộng T được biết và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh với đại diện gia đình anh Lưu Trộng Tcho biết chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng Tyêu thương nhau, tự nguyện kết hôn năm 1999, không đăng ký kết hôn. Sau đó, anh Lưu Trộng T và chị Ma Thị T sinh sống tại thôn Pàn Pẻn, xã M và có hai người con chung. Hiện nay, anh Lưu Trộng T đi làm ăn nơi khác, vẫn thi thoảng gọi điện và về thăm gia đình. Còn chị Ma Thị T bỏ về thôn B, xã M sinh sống từ năm 2020. Đại diện gia đình và Công an xã M đều cho biết anh Lưu Trộng Tcòn có tên gọi khác là anh Lưu Văn V.

Tòa án đã tiến hành xác minh với cán bộ tư pháp xã M, huyện Bình Gia cung cấp thông tin: Qua rà soát sổ gốc cấp giấy chứng nhận kết hôn qua các thời kỳ tại Ủy ban nhân dân xã M không có trường hợp nào có chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T (tên gọi khác là Lưu Văn V) được ghi trong sổ đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lưu Trộng T không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng, vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Ma Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Ma Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lưu Trộng T vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Lưu Trộng T không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị T: Chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay, không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận Chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T là vợ chồng. Về con chung: Có hai người con chung tên là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 03/3/1999 và Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 06/7/2011. Cháu Lưu Thị Thu H đã trưởng thành nên không xem xét. Còn cháu Lưu Thị Hải Y, khi ly hôn giao cho chị Ma Thị T được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành; anh Lưu Trộng Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn Chị Ma Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Ma Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lưu Trộng Tcó nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn Pàn Pẻn, xã M, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Lưu Trộng T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lưu Trộng Tlà có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Về quyền khởi kiện: Chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Tòa án cũng đã xác minh sổ gốc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M không có lưu trữ và không có trường hợp nào có tên chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng T (tên gọi khác là Lưu Văn V). Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đều quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng Tchung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng Tlà vợ chồng.

[5] Về con chung: Có hai người con chung tên là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 03/3/1999 và Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 06/7/2011. Cháu Lưu Thị Thu H đã trưởng thành, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu Lưu Thị Hải Y, giao cho chị Ma Thị T được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và cũng là nguyện vọng muốn sinh sống với mẹ theo biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Anh Lưu Trộng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ma Thị T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong quá trình giải quyết vụ án anh Lưu Trộng Tvắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Chị Ma Thị T phải chịu án phí ly hôn

sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận Chị Ma Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005531 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, 15, 57, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ma Thị T và anh Lưu Trộng Tlà vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai người con chung tên là Lưu Thị Thu H, sinh ngày 03/3/1999 và Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 06/7/2011. Cháu Lưu Thị Thu H đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xem xét. Còn cháu Lưu Thị Hải Y. Khi ly hôn, giao cho chị Ma Thị T được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lưu Thị Hải Y đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lưu Trộng Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Chị Ma Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận Chị Ma Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005531 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn chị Ma Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lưu Trộng Tvắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã M, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thủy **Dương Công Núi** **Dương Thị Hiệt**